

Số: /KH-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Quán triệt tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nội dung của Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Kết luận số 81-KL/TW).

- Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW của Chính phủ là căn cứ cho các cấp, các ngành và các địa phương xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể để chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ; đồng thời, là căn cứ để đôn đốc, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành và các địa phương trong tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã được phê duyệt; đồng thời, xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án mới đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Thanh Hóa đạt một số mục tiêu như sau:

1. Về ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH)

- Xây dựng và củng cố hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai; nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của

hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội; tiếp tục nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra nhất là khu vực miền núi và khu vực ven biển của tỉnh, trong đó tập trung bảo đảm an toàn tính mạng cho người dân khi bão, lũ, sạt lở đất xảy ra; phấn đấu đảm bảo 80%¹ các hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn.

- Hoàn thiện thể chế, phát huy tiềm năng và nguồn lực nhằm thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch của tỉnh.

- Kiểm soát mức phát thải nhà kính trên địa bàn tỉnh phù hợp với lộ trình thực hiện cam kết quốc gia; triển khai các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, phấn đấu đạt mức tiết kiệm năng lượng khoảng 7 - 10% trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng so với kịch bản phát triển thông thường². Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia đạt khoảng 15 - 20%².

2. Về quản lý tài nguyên

Tiếp tục điều tra, đánh giá tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng trên địa bàn tỉnh; quy hoạch, quản lý và khai thác bền vững, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên quốc gia, trong đó tập trung: Kiểm soát cơ bản 90%³ các hoạt động khai thác, sử dụng nước; nâng cao hiệu quả, năng lực khai thác, sử dụng nước và giảm tối đa thất thoát nước trong hệ thống các công trình thủy lợi; giảm tỷ lệ thất thoát nước trong hoạt động cấp nước xuống 10%³; khắc phục tình trạng hạn hán thiếu nước vào mùa khô ở các lưu vực sông, các vùng khó tiếp cận nước đặc biệt vùng hạ du các lưu vực: Sông Mã, sông Chu, sông Bưởi, sông Cầu Chày, khu vực ven biển và vùng núi cao. Đảm bảo nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội.

3. Về bảo vệ môi trường

- Phấn đấu 100% các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường⁴; nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định trước khi xả ra môi trường.

- Tăng cường năng lực quản lý tổng hợp chất thải rắn, tiến hành đồng thời các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác phân loại, lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý đảm bảo tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu

¹ Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050.

² Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

³ Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

⁴ Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

gom, xử lý đạt 98%⁴; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng rác thải sinh hoạt được thu gom đạt 10%⁵; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý đạt 90%⁵; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt 90%⁵; giảm thiểu 75% rác thải nhựa trên biển⁶.

- Phân đầu 100% diện tích các khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng được xử lý, cải tạo phục hồi⁷; xử lý triệt để và cải tạo phục hồi môi trường tại các khu vực bị ô nhiễm do hoá chất bảo vệ thực vật tồn lưu, đi-o-xin; nâng cao chất lượng môi trường không khí ở các đô thị, khu vực đông dân cư; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đạt 75%⁸; 100% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung⁹.

- Duy trì độ che phủ rừng ổn định đạt 54,5% trở lên¹⁰; diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên được quản lý bảo vệ tốt mang tính bền vững, bảo tồn tính đa dạng sinh học cao; 80% khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên được đánh giá hiệu quả quản lý¹¹.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, thúc đẩy các hành động có trách nhiệm của toàn xã hội theo hướng chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế xanh, các-bon thấp, kinh tế tuần hoàn, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, quản lý hiệu quả chất thải rắn, giảm thiểu rác thải nhựa hướng đến đạt được mục tiêu phát triển bền vững và trung hòa các-bon. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Chú trọng giáo dục sớm cho thế hệ trẻ từ bậc tiểu học về nhận thức, ý thức giữ gìn bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

- Phát huy vai trò trung tâm, chủ thể của doanh nghiệp, người dân trong chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường dựa trên chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chú trọng vai trò

⁵ Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

⁶ Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về quản lý rác thải nhựa đại dương trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

⁷ Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

⁸ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 – 2030.

⁹ Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

¹⁰ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 – 2030

¹¹ Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 06/02/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Kế hoạch hành động bảo tồn đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

phản biện, giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Thay đổi tư duy và nhận thức, coi thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” là thách thức; đồng thời, cũng là cơ hội để phát triển bền vững, góp phần xây dựng và phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động hội nhập sâu rộng, thực chất.

- Phổ biến, thông tin về các yêu cầu, các thực hành tốt, mô hình tiên tiến về chuyển đổi xanh, giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường.

2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh việc lồng ghép các định hướng về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong chính sách, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp, các ngành.

- Kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước các cấp về ứng phó với biến đổi khí hậu; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo hướng hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới.

- Chủ động rà soát việc triển khai các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, đất đai, lâm nghiệp, đa dạng sinh học và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; trên cơ sở đó tham mưu cấp có thẩm quyền kiến nghị Trung ương và các bộ, ngành xem xét sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới. Tích cực tham gia cơ chế về quản lý, tổng hợp, điều phối các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

- Trên cơ sở các quy định của pháp luật, tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, xây dựng cơ chế chính sách và tổ chức thực thi có hiệu quả hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, thực hiện kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính, tiết kiệm tài nguyên, giảm phát sinh chất thải, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Tăng cường hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật, xử lý vi phạm trong lĩnh vực biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; nâng cao vai trò phản biện, giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư trong quá trình thực thi pháp luật; chú trọng giám sát, kiểm soát chặt chẽ các dự án, cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

3. Thực hiện chuyển đổi xanh, thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng công bằng

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050; lồng ghép mục tiêu tăng trưởng xanh vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nghiên cứu, thử nghiệm các mô hình kinh tế xanh, đô thị, nông thôn xanh. Thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững.

- Triển khai thực hiện kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh tế tuần hoàn của tỉnh bảo đảm gắn kết chặt chẽ với chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo phù hợp điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Thực hiện hiệu quả chuyển đổi năng lượng công bằng, từng bước giảm dần sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, chuyển sang phát triển và sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng mới hướng tới bảo đảm an ninh năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, giảm ô nhiễm môi trường. Có chính sách thu hút đầu tư đối với các dự án đầu tư xanh, công nghệ cao, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung nguồn lực giải quyết các nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm các hệ sinh thái tự nhiên, các thách thức trong thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0”.

- Thực hiện hiệu quả, thực chất Kế hoạch hành động quốc gia chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững ở Việt Nam đến năm 2030. Phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, phát thải thấp, tuần hoàn; sản xuất, phân phối và tiêu dùng thực phẩm xanh, an toàn; giảm tình trạng thất thoát và lãng phí lương thực, thực phẩm.

- Xây dựng, hoàn thiện chính sách thúc đẩy huy động nguồn lực tài chính xanh. Hỗ trợ phát triển các ngành kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Triển khai thực hiện chính sách, quy định mua sắm công xanh, chỉ tiêu công xanh, nhãn sinh thái trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các chương trình, đề án và dự án về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; tập trung nguồn lực để giải quyết hiệu quả những vấn đề cấp bách về môi trường, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp toàn diện về ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Huy động các nguồn tài chính, đầu tư và các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; tăng cường quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư được giao đúng mục đích, hiệu quả, minh bạch và theo quy định pháp luật.

4. Thường xuyên cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, hoàn thiện các phương án, kế hoạch phòng ngừa, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai

a. Về thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai

- Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai, phòng chống thiên tai. Xây dựng, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai; cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, hạn chế tác động của biến đổi khí hậu, ngập lụt.

- Điều tra, đánh giá, di dời và tái định cư người dân ở các khu vực có rủi ro thiên tai cao gắn với các giải pháp bảo đảm sinh kế bền vững; phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường. Chủ động ứng phó với sạt lở đất, lũ quét tại các khu vực miền núi và trung du, các vùng, khu vực trũng, dễ bị ngập lụt, dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai trên địa bàn tỉnh. Bảo đảm an toàn tính mạng cho người dân và an toàn tài sản xã hội. Huy động và dự trữ nguồn lực để khắc phục, tái thiết cho các khu vực, hộ gia đình bị ảnh hưởng do thiên tai, biến đổi khí hậu. Tiếp tục nâng cao hiệu quả việc thu và chi Quỹ phòng, chống thiên tai ở các cấp.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao khả năng phòng, chống thiên tai. Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (được cập nhật) tại Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai.

- Bảo vệ, nâng cấp hệ thống đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh; kiên cố hóa hệ thống đê, kè; nâng cấp, xây dựng mới hệ thống công trình thủy lợi, trạm bơm bảo đảm an toàn phòng, chống lũ và điều tiết nước phục vụ đời sống nhân dân và sản xuất trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thiện mạng lưới các trạm đo mưa chuyên dùng, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng bản đồ cảnh báo sạt lở đất khu vực miền núi.

- Phát triển và nhân rộng các mô hình thích ứng với BĐKH dựa trên hệ sinh thái, dựa vào cộng đồng và dựa vào tự nhiên.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030¹². Nghiên cứu, áp dụng các giải pháp giảm tình trạng ngập lụt đô thị trong bối cảnh biến đổi khí hậu; làm mát đô thị theo hướng thuận thiên, thân thiện với hệ thống khí hậu.

- Xây dựng và thực hiện các phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện và tác động của biến đổi khí hậu; ưu tiên sử dụng các giống cây trồng ngắn ngày, giống có khả năng chống chịu với điều kiện bất lợi, đồng thời điều chỉnh cơ cấu mùa vụ phù hợp theo hướng bố trí vụ xuân muộn,

¹² Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 – 2030.

vụ mùa sớm nhằm giảm thiểu rủi ro thiên tai, nâng cao hiệu quả và tính bền vững trong sản xuất nông nghiệp.

b. Về giảm phát thải khí nhà kính

- Phối hợp cung cấp thông tin, số liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính quốc gia, cấp ngành, lĩnh vực; thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở; cập nhật danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo định kỳ. Khuyến khích các cơ sở phát thải khác, đặc biệt là các cơ sở thuộc khu vực công, thực hiện kiểm kê và giảm phát thải khí nhà kính.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030¹³; Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về BĐKH trên địa bàn tỉnh¹⁴; Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050¹⁵; Kế hoạch thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh¹⁶.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng¹⁷; tiếp tục thực hiện tốt Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2050¹⁸, Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050¹⁹, đặc biệt về phát triển hạ tầng truyền tải điện thông minh, tăng tỷ trọng điện sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo, triển khai áp dụng các công nghệ mới, tiên tiến về lưu trữ năng lượng; Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030²⁰. Tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, triển khai áp dụng các công nghệ mới, tiên tiến về lưu trữ năng lượng; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Thực hiện các Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí metan của ngành giao thông vận tải; kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực giao thông vận tải đến năm 2030²¹.

¹³ Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

¹⁴ Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 05/3/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện Thỏa thuận Paris về BĐKH trên địa bàn tỉnh.

¹⁵ Quyết định số 3716/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2050.

¹⁶ Quyết định số 3934/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

¹⁷ Quyết định số 2600/QĐ-BTC ngày 30/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng và quá trình công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương đến năm 2025 và giai đoạn 2026 – 2030.

¹⁸ Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

¹⁹ Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

²⁰ Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030.

²¹ Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí metan của ngành giao thông vận tải.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực xây dựng. Thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050²², từng bước thay thế nguyên vật liệu gây phát thải khí nhà kính; từng bước giảm, thay thế sử dụng nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất. Ứng dụng công nghệ, vật liệu xây dựng mới, thân thiện với môi trường, giảm phát thải khí nhà kính.

- Thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực quản lý chất thải, bao gồm bãi chôn lấp chất thải rắn, xử lý chất thải rắn bằng phương pháp sinh học, thiêu đốt và đốt lộ thiên chất thải, xử lý và xả thải nước thải.

- Thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực nông nghiệp; phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, thân thiện với môi trường. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 3932/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch hành động về giảm phát thải KNK thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng tỉnh Thanh Hóa, đến năm 2030.

- Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương thực hiện phát triển thị trường các-bon trong nước và các hoạt động thúc đẩy việc phát triển thị trường các-bon; tổ chức phổ biến, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức của cộng đồng về thị trường các-bon.

5. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý về tài nguyên, đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên

a. Đối với tài nguyên đất

- Điều tra, đánh giá đất đai trên phạm vi toàn tỉnh, đặc biệt là đất chưa sử dụng; thực hiện các biện pháp khuyến khích khai hoang, phục hóa, lấn biển, ứng dụng công nghệ mới trong điều tra, giám sát xâm nhập mặn do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng để quản lý, sử dụng đất bền vững.

- Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; tổ chức rà soát, điều chỉnh và triển khai hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã đảm bảo phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đánh giá tình hình sử dụng đất ở tại các khu dân cư, khu đô thị mới, tiếp tục thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản công khai, minh bạch và hiệu quả. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất được khai hoang, phục hóa, lấn biển. Nghiên cứu các biện pháp cải tạo, bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất do xói mòn, hạn hán.

²² Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050.

- Đánh giá đồng bộ mức độ thoái hóa, ô nhiễm đất trong sản xuất nông nghiệp (*tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, kim loại nặng trong đất*); thực hiện các biện pháp giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm đất trong sản xuất nông nghiệp.

- Thiết lập, xây dựng và vận hành hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu về đất đai tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông với hệ thống thông tin đất đai quốc gia.

b. Đối với tài nguyên nước

- Hoàn thiện, đổi mới thể chế, chính sách, cơ chế tài chính ngành nước theo hướng quản trị thông minh; thu hút nguồn lực xã hội đầu tư phát triển, điều chỉnh nhu cầu sử dụng nước.

- Thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chủ động nguồn nước cấp cho các mục đích sinh hoạt và sản xuất; chủ động kế hoạch sử dụng nước trên các sông xuyên biên giới.

- Áp dụng các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; hạn chế khai thác, sử dụng nước chống suy thoái cạn kiệt nguồn nước. Chủ động tích trữ, giữ nước ngọt với quy mô từng vùng, từng lưu vực sông nhằm khắc phục hiệu quả tình trạng hạn hán, thiếu nước về mùa khô.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin, chuyển đổi số trong điều hòa, phân phối, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

- Xây dựng, lắp đặt thiết bị quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến trên các tuyến sông lớn, các hồ chứa lớn đối với các yếu tố về lưu lượng, mực nước, chất lượng nước, độ mặn.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với các hoạt động khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

c. Đối với tài nguyên địa chất và khoáng sản

- Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản trên đất liền, dưới biển. Kiểm tra các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ để khoanh định, công bố, làm cơ sở để đưa vào phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản trong Quy hoạch tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050²³.

- Điều tra, đánh giá trữ lượng và áp dụng các giải pháp khai thác phù hợp nhằm đảm bảo nguồn cung cấp vật liệu xây dựng thông thường.

- Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát hoạt động khai thác khoáng sản, đặc biệt là khai thác cát sỏi lòng sông, bờ biển, đảm bảo tăng cường

²³ Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

quản lý, kiểm soát, khai thác, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên; thúc đẩy khai thác gắn với chế biến sâu các loại khoáng sản chiến lược.

- Thực hiện hiệu quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tăng cường đấu giá quyền khai thác khoáng sản công khai, minh bạch, lựa chọn tổ chức doanh nghiệp có năng lực, kinh nghiệm, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại gắn với địa chỉ sử dụng khoáng sản; tạo điều kiện cải tạo, mở rộng, nâng cấp các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản, thu hồi tối đa khoáng sản chính, các khoáng sản đi kèm.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả việc thăm dò, khai thác khoáng sản theo các quy hoạch khoáng sản được phê duyệt; tăng cường công tác thanh kiểm tra hoạt động khoáng sản, thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa các ngành, địa phương liên quan trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới đồng bộ công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường cho công tác thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Rà soát, hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính liên quan đến cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản.

- Xuất khẩu khoáng sản trên cơ sở cân đối hiệu quả đầu tư khai thác, chế biến; không xuất khẩu các loại khoáng sản quan trọng, có ý nghĩa chiến lược.

d. Đối với tài nguyên biển

- Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản về tài nguyên biển. Thực hiện điều tra, đánh giá, kiểm kê nguồn vốn tự nhiên, đặc biệt là nguồn lợi hải sản, tại các vùng biển phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; điều tra nghề cá thương phẩm hàng năm.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050²⁴. Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa²⁵; thúc đẩy phát triển mô hình kinh tế biển xanh.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 29/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ và Kế hoạch 125-KH/TU ngày 15/01/2019 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

²⁴ Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28/6/2024 của Quốc hội về quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

²⁵ Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 13/3/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về triển khai thực hiện Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Khai thác và sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản; tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Ban Bí thư và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU); tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 215-KH/TU ngày 29/7/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các Kế hoạch, Quyết định, Chỉ thị của UBND tỉnh liên quan²⁶, bảo đảm phát triển bền vững ngành thủy sản.

- Tăng cường thực hiện thả giống thủy sản tái tạo bổ sung, phục hồi nguồn lợi thủy sản ở vùng cửa sông, ven biển hàng năm.

d. Đối với tài nguyên rừng

- Tiếp tục đẩy mạnh việc quản lý, bảo vệ, bảo tồn, sử dụng và phát triển bền vững rừng và đất lâm nghiệp, đặc biệt là diện tích rừng tự nhiên hiện có để giảm phát thải, tăng lượng hấp thụ các-bon rừng; trồng rừng, phát triển rừng, phục hồi rừng và các hệ sinh thái tự nhiên, nâng cao chất lượng và trữ lượng các-bon; xây dựng các mô hình chia sẻ lợi ích công bằng trong quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ để thúc đẩy sự tham gia của các cộng đồng địa phương; thúc đẩy cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

- Hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên²⁷; thực hiện việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; đảm bảo đủ các điều kiện để tổ chức quản lý bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng.

6. Tập trung, ưu tiên nguồn lực để giải quyết hiệu quả các vấn đề cấp bách về môi trường, chủ động phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề. Xây dựng và triển khai các dự án bổ cấp nước, cải tạo, phục hồi các hồ ao, các đoạn sông, kênh, mương đã bị ô nhiễm nghiêm trọng.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật về phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải rắn. Triển khai thực hiện các hoạt động tái chế, biến chất thải thành nguyên, nhiên liệu, tăng cường thu hồi năng lượng (ưu tiên đối với công nghệ phát điện sinh khối, đồng xử lý chất thải); giảm dần tỷ lệ chôn lấp chất thải; xây dựng các khu liên hợp tái chế, xử lý chất thải có tính liên vùng, liên tỉnh²⁸.

²⁶ Quyết định số 116/2025/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy chế phối hợp xử lý tàu cá vi phạm mất kết nối thiết bị giám sát hành trình; vượt ranh giới, vượt vùng được phép khai thác thủy sản trên biển qua Hệ thống giám sát tàu cá tại tỉnh Thanh Hóa.

²⁷ Điều 5, Phần II Kế hoạch Thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị (ban hành kèm theo Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ).

²⁸ Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân.

- Cải tạo, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, khu vực bị ô nhiễm do hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật.

- Khuyến khích sử dụng, tiêu thụ các sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường.

- Giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa gây ra. Dần thay thế các sản phẩm bao bì nhựa, túi nilông khó phân hủy bằng các vật liệu thân thiện môi trường, dễ phân hủy sinh học. Tổ chức thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý hiệu quả chất thải nhựa nhằm ngăn chặn chất thải nhựa từ đất liền ra biển. Phối hợp điều tra, thống kê chất thải nhựa và vi nhựa phát sinh trên địa bàn tỉnh theo chương trình, đề án, dự án.

- Cải thiện chất lượng môi trường không khí tại các khu đô thị trên địa bàn tỉnh; có biện pháp giảm thiểu, kiểm soát chặt chẽ chất lượng khí thải của các phương tiện giao thông cơ giới; phát triển hệ thống giao thông công cộng, các phương tiện thân thiện môi trường. Tăng cường các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm khí thải, bụi từ hoạt động xây dựng, đốt rơm rạ và phụ phẩm nông nghiệp, các cơ sở công nghiệp phát sinh khí thải lớn; tăng diện tích cây xanh, mặt nước, tăng cường vệ sinh môi trường đô thị. Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện, cập nhật và hoàn thiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh giai đoạn 2023 - 2025; xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 bảo đảm tính kế thừa, đồng bộ và phù hợp với quy định hiện hành.

- Xây dựng, nâng cấp các công trình trữ nước sử dụng cho mùa khô ở một số khu vực còn thiếu nước; đầu tư xây dựng, nâng cấp các nhà máy, hệ thống cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt của Nhân dân.

- Tăng cường bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là các hệ sinh thái rừng, đất ngập nước; bảo vệ chặt chẽ các khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, phục hồi các hệ sinh thái, đồng thời có biện pháp quản lý hiệu quả đa dạng sinh học vùng đệm của các khu bảo tồn thiên nhiên. Triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm bảo vệ các loài động vật hoang dã, đặc biệt là các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài di cư. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 06/02/2023 của UBND tỉnh hành động bảo tồn đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, góp phần thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học.

- Phối hợp tổ chức thực hiện Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học đồng bộ với Trung ương.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2026 - 2030 để thực hiện “Đề án sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai

đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến 2050” được ban hành tại Quyết định số 4020/QĐ-BNNMT ngày 29/9/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; trong đó, trọng tâm ưu tiên sử dụng biện pháp tưới tiết kiệm nước và cải tạo đất sản xuất trồng trọt.

- Đổi mới phương thức tiếp cận; chủ động đầu mối, thiết lập tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế nhằm huy động các nguồn lực phục vụ công tác bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch số 153/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24/NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị được tiếp tục triển khai đến khi hoàn thành.

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các phường, xã và các đơn vị có liên quan phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao và các nội dung, nhiệm vụ giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND xã, phường theo dõi, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả; tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường về kết quả thực hiện theo yêu cầu; kịp thời đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có), đảm bảo kế hoạch được thực hiện đúng tiến độ và có hiệu quả cao.

3. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các sở, ban ngành cấp tỉnh và UBND các xã, phường tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung của Kết luận số 81-KL/TW; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia và giám sát việc thực hiện Nghị quyết và chính sách pháp luật phòng, chống thiên tai, ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

4. Trên cơ sở nhiệm vụ được giao; các sở, ban, ngành cấp tỉnh, đơn vị liên quan tổng hợp, đề xuất và xây dựng dự toán thực hiện các nhiệm vụ gửi Sở Tài chính để tham mưu, trình cấp có thẩm quyền xem xét, cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với khả năng cân đối vốn.

5. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh tổ chức quán triệt, tuyên truyền và triển khai, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả đến các tổ chức, cá nhân, cộng

đồng dân cư về Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường và Nghị quyết 122/NQ-CP của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 218-KH/TU ngày 31/7/2024 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị; trên cơ sở các nhiệm vụ cụ thể được giao tại Kế hoạch này, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế của đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung nội dung; đề nghị các đơn vị chủ động đề xuất và gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ

Ban hành kèm theo Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng chương trình tăng cường năng lực phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Chương trình	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan; UBND các phường, xã	2026 - 2030
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu xử lý chất thải tập trung cấp tỉnh	Chương trình/Dự án	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan; UBND các phường, xã	2026 - 2030
3	Cải tạo, phục hồi môi trường các khu xử lý, bãi chôn lấp chất thải rắn đã đóng cửa	Chương trình/Dự án	UBND các xã, phường	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan	2026 - 2030
4	Xây dựng và nâng cấp trạm quan trắc chất lượng môi trường không khí tại đô thị loại I, II	Chương trình/Dự án	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan; UBND các phường, xã	2026 - 2030
5	Xây dựng các khu xử lý chất thải sinh hoạt tập trung bằng công nghệ tiên tiến có tính liên vùng, liên tỉnh	Dự án đầu tư	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; UBND các phường, xã	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
6	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các đô thị từ loại V trở lên đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả thải	Dự án đầu tư	UBND các xã, phường hoặc Ban quản lý dự án chuyên ngành	Sở Xây dựng	2026 - 2030
7	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các khu/cụm công nghiệp/làng nghề có phát sinh nước thải thuộc trách nhiệm của Nhà nước	Dự án đầu tư	- Ban Quản lý dự án chuyên ngành đối với khu/cụm/làng nghề có phạm vi từ 02 xã/phường trở lên. - UBND các xã, phường hoặc Ban Quản lý dự án chuyên ngành đối với khu/cụm/làng nghề có phạm vi thuộc địa giới hành chính một xã/phường	Sở Xây dựng; UBND các phường, xã có liên quan	2026 - 2030
8	Xây dựng các dự án cải tạo, phục hồi các hồ, ao, kênh, mương, khôi phục các đoạn sông, kênh, mương đã bị ô nhiễm nghiêm trọng	Dự án đầu tư	UBND các xã, phường	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan; UBND các phường, xã	2026 - 2030
9	Cải tạo, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp chất thải gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, khu vực bị ô nhiễm do hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật	Dự án đầu tư	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan; UBND các phường, xã	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
10	Xây dựng và triển khai Kế hoạch hạn chế sử dụng nhựa một lần, túi ni lông khó phân hủy tại các siêu thị, trung tâm thương mại, chợ	Kế hoạch	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan; UBND các phường, xã	2026 - 2030
11	Xây dựng và triển khai Kế hoạch hạn chế sử dụng nhựa một lần, túi ni lông khó phân hủy tại các nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, khu vui chơi, giải trí	Kế hoạch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan; UBND các phường, xã	2026 - 2030
12	Ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh giai đoạn 2026 – 2030	Chương trình/Nhiệm vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan; UBND các phường, xã	2026 -2027
13	Xây dựng trình ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2026 – 2030	Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan; UBND các phường, xã	2026 - 2030
14	Điều tra nghề cá thương phẩm tỉnh Thanh Hóa	Chương trình/Nhiệm vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường ven biển	Hàng năm